

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích
phát triển giao thông nông thôn năm 2023**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 184/2021/NQ-HĐND, ngày 10/12/2021 của Hội đồng Nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Nghị quyết 330/NQ-HĐND ngày 11/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hoá về việc phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh Thanh Hoá về việc ban hành tiêu chí phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2022 – 2025;

Căn cứ Quyết định số 4528/QĐ-UBND ngày 19/12/2022 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc giao dự toán, thu ngân sách nhà nước thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2023, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2066/TTr-STC ngày 19/4/2023 về việc phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí hỗ trợ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá năm 2023 để các ngành, UBND các huyện, thị xã (gọi chung là các huyện) và các đơn vị có liên quan thực hiện, cụ thể như sau:

1. Đối tượng hỗ trợ: Theo quy định tại Nghị quyết 184/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2022 - 2025.

2. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ kinh phí

a) Tiêu chí: Theo quy định tại Quyết định số 12/2022/QĐ-UBND ngày 24/02/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành tiêu chí phân bổ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn tỉnh Thanh Hoá giai đoạn 2022 - 2025.

b) Nguyên tắc:

- Ưu tiên hỗ trợ kinh phí để thực hiện mở rộng đường mòn thôn (bản) trên địa bàn các xã thuộc vùng 3.

- Hỗ trợ đủ kinh phí cho các huyện và thị xã Nghi Sơn để thực hiện kiên cố hóa mặt đường xã, thôn bản đảm bảo hoàn thành số Km đường năm 2023 theo kế hoạch tại Nghị quyết 184/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh trong giai đoạn 2022 - 2025; hỗ trợ kinh phí thực hiện xây dựng, sửa chữa công trình thoát nước, an toàn giao thông tại địa phương; phần còn lại hỗ trợ kinh phí cho UBND huyện Thiệu Hóa để hoàn thành dự án chuyển tiếp và hỗ trợ UBND các huyện: Thường Xuân, Quan Sơn, Quan Hóa, Bá Thước, Cẩm Thủy để thực hiện hỗ trợ đầu tư các công trình trên địa bàn xã Luận Khê (Thường Xuân), xã Trung Tiến (Quan Sơn), xã Phú Xuân (Quan Hóa), xã Thiết Ống (Bá Thước), xã Cẩm Long (Cẩm Thủy) theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Tổng kinh phí phân bổ: 110.000 triệu đồng (*một trăm mười tỷ đồng*).

- Tỉnh đoàn Thanh Hóa: 3.000 triệu đồng.

- Các huyện và thị xã Nghi Sơn: 107.000 triệu đồng.

(có Phụ biểu kèm theo).

4. Nguồn kinh phí hỗ trợ: Từ nguồn chi sự nghiệp kinh tế (chính sách phát triển giao thông nông thôn) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh và các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và các cơ quan có liên quan về tính chính xác của các nội dung tham mưu, thẩm định, số liệu báo cáo và đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn, định mức theo quy định.

1. Giao Sở Giao thông vận tải chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hỗ trợ đối với các dự án ở địa phương bảo đảm đúng các tiêu chí theo quy định; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

2. Giao Sở Tài chính có trách nhiệm thực hiện các thủ tục nghiệp vụ thông báo bổ sung có mục tiêu kinh phí hỗ trợ cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố và thông báo bổ sung dự toán cho Tỉnh đoàn Thanh Hoá khi đảm bảo các điều kiện, hồ sơ, thủ tục theo quy định để các địa phương, đơn vị triển khai thực hiện nhiệm vụ, đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3. UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn và các chủ đầu tư

- Sau khi được phân bổ kinh phí hỗ trợ, UBND các huyện, thị xã Nghi Sơn thực hiện kiên cố hoá đường xã, đường thôn (bản) đảm bảo ít nhất 40% kinh phí hỗ trợ và phần kinh phí hỗ trợ còn lại thực hiện cho các công trình thoát nước, an toàn giao thông đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, hồ sơ, thủ tục theo quy định hiện hành của pháp luật; có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí được hỗ trợ đúng mục đích, đúng đối tượng và thanh quyết toán theo chế độ hiện hành; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về các quyết định của mình trong quá trình thực hiện.

- UBND cấp huyện, thị xã Nghi Sơn có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn và gửi về Sở Giao thông vận tải trước ngày 15/11/2023 để kiểm tra kết quả thực hiện, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

- Trường hợp việc xây dựng các công trình đã đăng ký không thực hiện được (vì lý do khách quan), UBND cấp huyện, thị xã Nghi Sơn báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) trước ngày 30/7/2023 để điều chuyển kinh phí đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Giao thông vận tải, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã được hỗ trợ kinh phí; Bí thư Tỉnh đoàn Thanh Hóa và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTTT (TĐN20777).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Mai Xuân Liêm

Phụ biểu

PHÂN BỐ KINH PHÍ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN GIAO THÔNG NÔNG THÔN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các đơn vị	Số Km được hỗ trợ thực hiện giai đoạn 2022-2025 (km)		Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn trong năm 2023					Kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị theo điểm	Kinh phí hỗ trợ theo các Văn bản của UBND tỉnh	Tổng kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương
				Số Km được hỗ trợ thực hiện (Km)		Quy đổi điểm tương ứng với số Km thực hiện (Điểm)					
				Đường xã	Đường thôn (bản)	Đường xã	Đường thôn (bản)	Tổng số điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10	11	12
	Tổng (A+B)								74.000	36.000	110.000
A	Các huyện, thị xã Nghi Sơn	216	161	43.5	73	254.0625	308.825	562.8875	74.000	33.000	107.000
I	Khu vực đồng bằng								9.624		9.624
1	Thị xã Nghi Sơn	12	9	6	6	24	15.9	39.9	5.246		5.246
2	Huyện Hà Trung	17	3	7	2	28	5.3	33.3	4.378		4.378
II	Khu vực miền núi								64.376	33.000	97.376
3	Huyện Thạch Thành	12	10	3	7	19.875	30.975	50.85	6.685		6.685
4	Huyện Cẩm Thủy	20	15	4	6	26.5	26.55	53.05	6.974	6.500	13.474
5	Huyện Ngọc Lặc	18	14	4	6	26.5	26.55	53.05	6.974		6.974

TT	Các đơn vị	Số Km được hỗ trợ thực hiện giai đoạn 2022-2025 (km)		Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách khuyến khích phát triển giao thông nông thôn trong năm 2023					Kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị theo điểm	Kinh phí hỗ trợ theo các Văn bản của UBND tỉnh	Tổng kinh phí hỗ trợ cho các đơn vị, địa phương
				Số Km được hỗ trợ thực hiện (Km)		Quy đổi điểm tương ứng với số Km thực hiện (Điểm)					
		Đường xã	Đường thôn (bản)	Đường xã	Đường thôn (bản)	Đường xã	Đường thôn (bản)	Tổng số điểm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7+8	10	11	12
6	Huyện Lang Chánh	15	10	4	6	26.5	26.55	53.05	6.974		6.974
7	Huyện Bá Thước	14	11		7		30.975	30.975	4.072	6.500	10.572
8	Huyện Quan Sơn	22	11	4	6	26.5	26.55	53.05	6.974	6.500	13.474
9	Huyện Quan Hoá	22	12	5	5	33.125	22.125	55.25	7.264	4.000	11.264
10	Huyện Mường Lát	10	8	3	2	19.875	8.85	28.725	3.776		3.776
11	Huyện Thường Xuân	17	12	3	7	19.875	30.975	50.85	6.685	6.500	13.185
12	Huyện Như Xuân	15	12	0.5	7	3.3125	30.975	34.2875	4.508		4.508
13	Huyện Như Thanh	11	15		6		26.55	26.55	3.490		3.490
14	Huyện Thiệu Hóa									3.000	3.000
B	Các đơn vị cấp tỉnh									3.000	3.000
I	Tỉnh đoàn Thanh Hóa									3.000	3.000